

Thực trạng lao động nghề nghiệp và một số vấn đề xã hội của thanh niên nông thôn

ĐẶNG NGUYỄN ANH

Tiềm năng phát triển thường được xem xét dưới góc độ cơ cấu lao động xã hội nghề nghiệp. Bản thân cơ cấu này lại được phân tích dưới góc độ của từng nhóm xã hội khác nhau và nghề nghiệp khác nhau. Bài viết này tập trung thảo luận vấn đề cơ cấu lao động nghề nghiệp của một nhóm xã hội đặc thù và năng động, giữ vai trò rất quan trọng trong sự nghiệp phát triển của mỗi quốc gia - THANH NIÊN, tại khu vực nông thôn⁽¹⁾. Quá trình đẩy mạnh sự chuyển đổi cơ cấu lao động - nghề nghiệp ở nông thôn theo hướng đa dạng hóa ngành nghề, và chuyên môn hóa nghề nghiệp trong thời gian tới đây sẽ không thể không có sự tham gia của nhóm cư dân thanh niên.

Trong bất kỳ quốc gia nào, thanh niên luôn là lực lượng dân số quan trọng cấu thành nên lực lượng lao động chủ yếu của nền kinh tế. Thanh niên là giai đoạn chuyển tiếp giữa tuổi niên thiếu và tuổi trưởng thành nhưng là nhóm xã hội có tính độc lập, đòi hỏi sự quan tâm riêng trong các chính sách kinh tế - xã hội. Việc xác định dân số thanh niên tùy thuộc vào nhiều yếu tố khác nhau như trình độ phát triển của mỗi quốc gia, đặc điểm văn hóa xã hội, các yếu tố tâm lý cũng như cơ cấu tuổi của dân số trưởng thành... Thông thường những người trong nhóm tuổi 15-24 được gọi là thanh niên tại các quốc gia đang phát triển nhưng ở Việt Nam, dân số thanh niên thường được mở rộng sang nhóm tuổi 25-29 vì hai lý do sau: 1) Giống như ở các xã hội nông nghiệp chậm phát triển khác, thanh niên Việt Nam có xu hướng trưởng thành muộn hơn, nhất là ở khu vực nông thôn; 2) Hoạt động của tổ chức Đoàn thanh niên tập trung vào nhóm 14-28, đa số thanh niên thôi hoạt động đoàn thể trước khi sang tuổi 30. Vì vậy, trong bài viết này, ba nhóm tuổi 15-19; 20-24; 25-29 cấu thành nên dân số thanh niên sẽ được xem xét.

1. Đặc điểm nhân khẩu - lao động của thanh niên:

Ở nước ta, theo số liệu Tổng điều tra dân số năm 1989, thanh niên chiếm tỷ lệ 28,7% trong tổng số 64,4 triệu dân, tức là tăng 26% so với 10 năm trước đó, trung bình hàng năm tăng 2,6%. Có thể nhận thấy tốc độ phát triển khá nhanh của dân số thanh niên từ cuộc Tổng điều tra dân số đầu tiên (10-1979). Biểu 1 cho thấy tại thời điểm này, toàn quốc có 52,7 triệu người, trong đó 14,6 triệu là thanh niên thuộc nhóm tuổi 15-29, chiếm tỷ lệ 28% dân số. Năm năm sáu đó, tức là năm 1984 dân số thanh niên tiếp tục gia tăng cả về tương đối lẫn tuyệt đối và cho đến nay, có hơn 9 triệu nam và gần 10 triệu nữ thuộc nhóm tuổi này. Theo nhiều dự báo, vào cuối năm 1995, thanh niên sẽ chiếm 29,5% dân số với hơn 21 triệu người, đa phần sẽ do nhóm tuổi 15-19 tăng nhanh - là kết quả của việc bùng nổ dân số sau khi đất nước được thống nhất. Con số này đặt ra trước chúng ta rất nhiều vấn đề về công ăn việc làm, giáo dục và văn hóa xã hội.

Do những hạn chế về phương pháp và số liệu thống kê, ở nước ta cho đến tháng 4-1989 dân số thanh niên ở cả hai khu vực nông thôn và đô thị không được thống kê đầy đủ. Số liệu Tổng điều tra dân số năm 1989 cho thấy trong số 18,5 triệu thanh niên hiện nay, có hơn 75% sống tại khu vực nông thôn. Giữa hai khu vực này cũng có những chênh lệch đáng kể về giới tính: Nam thanh niên tập trung phần lớn tại khu vực đô thị, các thành phố, thị trấn lớn trong khi nữ thanh niên hầu hết còn ở nông thôn. Tỷ suất giới tính tương ứng với hai khu vực là 114% ở đô thị và 88% ở nông thôn phản ánh sự di cư theo hướng nông thôn - đô thị trong những năm qua. Xu hướng nam thanh niên di cư khỏi nông thôn sẽ có chiều hướng gia tăng trong những năm tới và sự biến đổi cơ cấu kinh tế theo hướng thu hút lao động vào phát triển dịch vụ tại các trung tâm thị tứ mới.

(1) Qua số liệu Tổng điều tra Dân số năm 1989

Biểu 1 - Dân số thanh niên Việt Nam (nghìn người)

Dân số thanh niên \ Năm	Năm			
	1979	1984	1989	1995
Nam	6.977,7	7.903,5	8.952,1	10.280,5
Nữ	7.637,1	8.456,6	9.534,9	10.794,6
Tổng số	14.614,8	16.360,1	18.487,0	21.075,1

2. Thực trạng lao động - nghề nghiệp của thanh niên:

Cũng theo số liệu Tổng điều tra dân số 1989, hiện nay thanh niên chiếm hơn 53% lực lượng lao động xã hội, là một tiềm năng rất quan trọng cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Tuy nhiên cùng với sự gia tăng nhanh chóng số người đến tuổi lao động, vấn đề tạo việc làm cho thanh niên càng trở nên khó khăn hơn. Hiện nay, hàng năm có 2 triệu thanh niên cần việc làm, bao gồm số mới bước sang tuổi lao động, học sinh thôi học, công nhân dôi ra từ những xí nghiệp làm ăn thua lỗ, số bộ đội xuất ngũ, thanh niên xung phong cũng như số hợp tác lao động từ nước ngoài về. Nông thôn vẫn là khu vực chủ yếu thu hút lại số lao động không có việc làm này. Về mặt tỷ trọng, nhóm tuổi 15-19 luôn chiếm tỷ lệ cao trong số thanh niên thất nghiệp phản ánh thực tế rằng những người rời ghế nhà trường gặp rất nhiều khó khăn trong việc tìm kiếm và ổn định nghề nghiệp (Biểu 2). Mặc dù số liệu cho thấy tại khu vực nông thôn, thanh niên chưa có việc làm chiếm tỷ lệ thấp hơn nhiều so với thành thị và giảm dần theo nhóm tuổi, chưa có cơ sở để đánh giá rằng 5-6% dân số thanh niên nông thôn đang có nhu cầu tìm việc hiện nay là phản ánh đúng thực trạng nghề nghiệp và hoạt động của họ. Khái niệm về không có việc làm ở nông thôn cần phải được hiểu chính xác. Thực tế, đó chủ yếu là những công việc tương ứng theo mùa vụ của sản xuất nông nghiệp, khi thiếu khi thừa và vì vậy số thanh niên có việc làm trên 6 tháng trong năm rất thấp.

Ở khu vực nông thôn, đối với nhóm tuổi 15- 19 tỷ lệ nữ và nam thanh niên chưa có việc làm là ngang nhau và giảm dần ở những nhóm tuổi tiếp theo cho thấy xu hướng dễ thích nghi và ổn định đối với sự thay đổi nhu cầu công việc của nữ hơn nam. Hiện nay trong số gần 7,5 triệu nữ thanh niên nông thôn thì 48% đã lập gia đình và 63,8% số này đã có hai con. Nhiều nghiên cứu xã hội học đã cho thấy gánh nặng công việc nhọc nhằn mà phụ nữ nông thôn phải chịu đựng trong hoạt động sản xuất và công việc gia đình. Những thay đổi kinh tế hiện nay đã đem lại cho nữ thanh niên nhiều cơ hội hoạt động kinh tế ngoài gia đình (buôn bán, chạy chợ, làm thêm nghề phụ...) nhưng cũng đồng thời làm đầy thêm gánh nặng công việc. Đó là chưa kể đến nguồn thu nhập vốn đã thấp lại bấp bênh, không ổn định... Có thể nói rằng đối với thanh niên nông thôn nói chung và nhóm nữ nói riêng, lập gia đình hay chưa lập gia đình thì vấn đề chất lượng và số lượng việc làm cần được giải quyết tại chỗ bằng việc tạo ra nhu cầu cho những hoạt động dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp tại địa bàn nông thôn.

Biểu 2 – Tình hình thất nghiệp của thanh niên theo khu vực, giới và nhóm tuổi

Khu vực và giới	Nông thôn		Thành thị		Toàn quốc	
	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ
Nhóm tuổi						
15-19	8,9	8,5	23,4	25,2	12,0	11,9
20-24	5,0	3,3	17,8	15,1	7,8	5,8
15-29	5,7	4,6	12,9	15,2	7,6	6,9

Để có thể đáp ứng được những nhu cầu công việc, thanh niên nông thôn cần được đào tạo tay nghề. Tuy nhiên, điều này lại mâu thuẫn với trình độ học vấn và chuyên môn thấp hiện nay. Số người "chưa tốt nghiệp phổ thông và mù chữ chiếm 50% thanh niên. Vùng nông thôn có 13,9 triệu lao động thanh niên thì 12,9 triệu không

có chuyên môn kỹ thuật" (Trích báo cáo tổng kết của Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, 1991). Nhân tố tương đối quyết định đến việc lựa chọn lao động nghề nghiệp của thanh niên nông thôn qua nhiều nghiên cứu cho thấy rằng giáo dục phổ thông có vai trò quan trọng trong những thực tế những năm qua công tác hướng nghiệp trong nhà trường không được tiến hành. Nhiều học sinh ra trường đi vào lao động sản xuất không đáp ứng được yêu cầu của nghề nghiệp. Ở nông thôn, từ lâu vẫn có quan niệm rằng nghề nông không cần phải học. Những kiến thức về canh tác, trồng trọt và chăn nuôi cho đến nay vẫn chủ yếu dựa trên kinh nghiệm truyền thống. Số đông thanh niên không có việc làm hiện nay không ít là do thiếu kỹ năng và tay nghề chuyên môn và rất khó thích nghi với những hoạt động kinh tế phi nông nghiệp. Ngay cả trong sản xuất nông nghiệp, việc giới thiệu kỹ thuật và công nghệ mới đòi hỏi người lao động, bao gồm cả thanh niên phải trang bị cho mình những kiến thức và thông tin kỹ thuật nhất định làm cơ sở cho các quyết định sản xuất hộ gia đình. Trên thực tế, đòi hỏi này chưa đáp ứng trên cả hai bình diện số lượng và chất lượng.

3. Di cư Nông thôn - Đô thị: Lập gia đình sớm: những tối thoát thực tế?

Từ yêu cầu của sản xuất có một lực lượng trẻ có trình độ tay nghề cao lại mâu thuẫn với nhu cầu nguyện vọng của lớp thanh niên là muốn thoát ly khỏi nông thôn. Thực tế, trước sức ép về ruộng đất và tình hình thiếu việc làm cũng như việc làm có thu nhập xứng đáng ở nông thôn hiện nay đã dẫn đến hai khả năng cho người lao động: hoặc chuyển khỏi nghề nông hoặc thoát ly khỏi nông thôn, tìm đến các khu vực đô thị; các vùng đất mới để làm ăn, mong muốn tìm được việc làm có thu nhập khá và đỡ cảnh chân lấm tay bùn vất vả hơn. Những đổi mới về chính sách quản lý xã hội gần đây đã nới lỏng sự kiểm soát đối với việc di chuyển và dễ dàng cho phép người lao động tự tìm việc làm trong khu vực kinh tế tư nhân tại các thành phố, các trung tâm đô thị.

Nhiều nghiên cứu cho thấy nhu cầu tìm việc làm hiện là một trong những động cơ mạnh mẽ thúc đẩy di cư, đặc biệt ở nhóm tuổi nam thanh niên trong nhóm tuổi 20-24. Do những ưu thế về học vấn, sức khỏe, khả năng thích nghi với môi trường đô thị nam thanh niên thường chiếm số đông trong số thoát ly. Trong nhiều cuộc trưng cầu ý kiến, nữ thanh niên cũng có nguyện vọng ra thành phố sinh sống. Số đối tượng này hầu hết chưa có gia đình, mong muốn tham gia vào hoạt động buôn bán dịch vụ. Có thể nói hầu hết những gia đình nông thôn đều mong muốn cho con cái thoát ly ra thành phố nhưng khả năng này trên thực tế là rất khó thực hiện. Đa số thanh niên, nhất là nữ muốn lập gia đình sớm ở lại quê nhà. Những biến đổi trong thái độ hiện nay của lớp trẻ cho thấy, nữ thanh niên nông thôn đánh giá hôn nhân có ý nghĩa quan trọng hơn học vấn, con gái ngoài 20 mà chưa có người "thăm hỏi" là bị coi là "ế chồng" hoặc "có vấn đề". Tâm trạng lo lắng bồn chồn khi chưa được "chạm ngõ" ở nhiều nữ thanh niên ngoài hai mươi không phải lạ. Ở đây, tình hình nam thanh niên thoát ly khỏi nông thôn đã dẫn đến những khó khăn nhiều hơn đối với nữ thanh niên trong việc tìm được bạn đời.

Ở không ít địa phương, tình trạng tảo hôn có xu hướng gia tăng (Hoàng Liên Sơn: 21,3% trong số cuộc hôn nhân; Vĩnh Phú: 6,2%; Hà Nam Ninh: 4%; An Giang: 23,3%; Hải Hưng: 3,4% - Theo số Liệu Báo Tiền Phong số 64, 1990). Những khó khăn về bất ổn định trong nghề nghiệp cũng đã sinh ra tâm lý số "muộn mản", kết hôn, lập gia đình sớm là điều cần thiết để ổn định cuộc sống. Đường như ít có sự lựa chọn nào khác ngoài hôn nhân với nữ thanh niên nông thôn, những hạn chế về cơ hội nghề nghiệp, học vấn và khả năng thoát ly khỏi nông thôn lại càng củng cố thực trạng trên và tất nhiên việc kết hôn sớm sẽ dẫn đến khuynh hướng dễ ngay và dễ dãi trong các gia đình trẻ.

KẾT LUẬN VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

1. Thanh niên là nhóm xã hội giữa vai trò quan trọng trong sự phát triển của bất kỳ quốc gia nào và đòi hỏi sự quan tâm đặc biệt của xã hội. Thực trạng kinh tế - xã hội của thanh niên là chỉ báo thể hiện khá đầy đủ khung cảnh xã hội, nó phản ánh di sản của quá khứ và đồng thời dự báo chính xác những đặc điểm của dân số tương thành trong tương lai. Nghiên cứu những vấn đề của thanh niên với tư cách là một nhóm cư dân đặc thù trong xã hội, vì vậy, có ý nghĩa rất quan trọng trên thực tiễn.

2. Những phân tích trên đây cho thấy thực trạng rất gay gắt đối với thanh niên ở khu vực nông thôn hiện nay, trước hết trong vấn đề giải quyết công ăn việc làm, đặc biệt là những việc làm có thu nhập tương đối và ổn định, phù hợp với nhu cầu và nguyện vọng của lớp trẻ. Đòi hỏi này còn mâu thuẫn với thực tế là hiện nay những

công ăn việc làm mà thanh niên có hứng thú thì thiếu trong khi những nhu cầu về nhân lực mà xã hội cần thì thanh niên lại ít quan tâm hoặc không đủ trình độ chuyên môn để đáp ứng. Rất nhiều tệ nạn và vấn đề xã hội có nguyên nhân sâu xa từ thực trạng này. Giải quyết việc làm cho thanh niên, vì vậy, là đòi hỏi cấp bách hiện nay.

3. Trên bình diện xã hội, có thể nói rằng hiện tại lớp thanh niên trẻ có quá ít sự lựa chọn trong cuộc sống, đặc biệt là đối với nữ thanh niên nông thôn. Những biến đổi kinh tế - xã hội mặc dù có khả năng đem lại cơ hội kinh tế, nghề nghiệp và góp phần thúc đẩy sự di động xã hội nhưng ảnh hưởng này trên thực tế còn rất yếu ớt. Do vậy, những biện pháp và chính sách nhằm thúc đẩy sự chuyển đổi cơ cấu xã hội nói chung và cơ cấu lao động nghề nghiệp nói riêng phải góp phần đem lại những khả năng lựa chọn trong cuộc sống cũng như tạo điều kiện cho thanh niên thực hiện được những khả năng đó.

4. Xem xét thực trạng kinh tế - xã hội của nhóm cư dân thanh niên giúp minh chứng được những trở lực trong quá trình chuyển đổi cơ cấu xã hội nghề nghiệp. Đó là những hạn chế của khả năng chuyển số lượng lao động trẻ sang các ngành nghề phi nông nghiệp và gắn liền với nó là tình trạng thu nhập qua thấp hiện nay do các hoạt động kinh tế ở nông thôn đem lại. Tình trạng thanh niên thiếu việc làm trong khi sức lao động lại dư thừa, không được tổ chức và sử dụng hiệu quả đã làm tăng thêm những trở ngại trong việc sắp xếp lại lao động và nó ngành nghề hiện nay. Khó có thể nói được rằng trong những năm tới đây, sự chuyển đổi cơ cấu lao động nghề nghiệp ở nông thôn sẽ diễn ra dễ dàng, ổn định và vững chắc.